TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI TỪ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 12/2024/QĐST-HNGĐ	*Đại Từ, ngày 07 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1981

ĐKHKTT: Xóm C, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974

ĐKHKTT: Xóm C, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 212 Điều 213 Điều 357 Điều 468 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn N nhất trí, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị N và anh N có 02 con chung

1. Nguyễn Thanh H, sinh ngày 14/9/2001 (đã trưởng thành).

2. Nguyễn Khánh L, sinh ngày 27/6/2011

Khi ly hôn chị N và anh N đã tự thỏa thuận chị Nguyệt được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Khánh L, sinh ngày 27/6/2011 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị N và anh N có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Anh N được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N là 1.500.000đ/tháng cho con chung kể từ tháng 03/2024 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh N tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005297 ngày 25/01/2024 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ngươời được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kao Hoàng